**Bảo hiểm xã hội là gì và các chế độ BHXH tại Việt Nam năm 2022**

**1. Bảo hiểm xã hội là gì?**

*"*[*Bảo hiểm*](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A3o_hi%E1%BB%83m)*là phương thức bảo vệ trước những tổn thất tài chính. Đó là hình thức quản lý rủi ro, chủ yếu được sử dụng để bảo hiểm cho những rủi ro ngẫu nhiên hoặc tổn thất có thể xảy ra"*

Đơn vị cung cấp bảo hiểm có thể là cơ quan Nhà nước hoặc công ty, tổ chức bảo hiểm.

*"*[*Xã hội*](https://vi.wikipedia.org/wiki/X%C3%A3_h%E1%BB%99i)*là một nhóm những cá nhân liên quan đến tương tác xã hội một cách thường xuyên, hoặc một nhóm xã hội lớn có chung lãnh thổ không gian hoặc xã hội, thường chịu cùng thẩm quyền chính trị và các kỳ vọng văn hóa chi phối" - Theo wikipedia*

Hiện nay, Bảo hiểm xã hội tại Việt Nam là một chính sách an sinh do cơ quan BHXH Việt Nam triển khai tổ chức và thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật. Cụ thể:

Giải thích từ ngữ "Bảo hiểm xã hội" được quy định tại Khoản 1 điều 3, [**Luật Bảo hiểm xã hội**](https://ebh.vn/van-ban-phap-quy/2037) số 58/2014/QH13 ban hành ngày 20/11/2014 cụ thể như sau:

*Bảo hiểm xã hội là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào*[*quỹ bảo hiểm xã hội*](https://ebh.vn/tin-tuc/quy-bao-hiem-xa-hoi-va-nguon-hinh-thanh-quy-nam-2020)*.*

Như vậy, có thể thấy BHXH là một trong những chính sách an sinh hữu ích đối với người tham gia, do Nhà nước tổ chức và được bảo đảm thực hiện dựa trên các văn bản pháp lý. Trên cơ sở đóng vào quỹ BHXH, người tham gia sẽ được bù đắp một phần thu nhập khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập chính do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động.

Hiện nay có 2 hình thức để người dân có thể đăng ký tham gia, tùy theo nhóm đối tượng bắt buộc tham gia và tham gia tự nguyện. Với mỗi hình thức, người tham gia sẽ được hưởng những quyền lợi và chế độ khác nhau.

***1.1. Các chế độ của bảo hiểm xã hội tại Việt Nam***

Điều 4, Luật BHXH quy định về các chế độ bảo hiểm xã hội như sau:

(1) Đối với người tham gia BHXH bắt buộc:

1. Chế độ ốm đau (ÔĐ)
2. Chế độ thai sản (TS)
3. Chế độ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp (TNLD&BNN)
4. Chế độ hưu trí (HT)
5. Chế độ tử tuất (TT)

(2) Đối với người tham gia BHXH tự nguyện gồm: Chế độ hưu trí và Chế độ tử tuất

(3) Bảo hiểm hưu trí bổ sung do chính phủ quy định (Tại khoản 7, điều 3)

***1.2. Quyền lợi khi tham gia bảo hiểm xã hội***

Người tham gia BHXH sẽ được hưởng các quyền lợi về tiền trợ cấp nhằm bảo đảm thay thế, bù đắp sự thiếu hụt về mặt tài chính cho người tham và gia đình của họ khi gặp phải những rủi ro trong cuộc sống. Trong trường hợp người tham gia không muốn tiếp tục tham gia BHXH thì có thể rút BHXH 1 lần khi có yêu cầu. Mức hưởng sẽ căn cứ theo mức tiền lương đóng vào Quỹ hàng tháng và thời gian tham gia theo quy định.

**2. Bảo hiểm xã hội bắt buộc**

Được quy định tại Khoản 2 Điều 3 Luật BHXH 2014 như sau: *Bảo hiểm xã hội bắt buộc là loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động phải tham gia.*

**2.1 Mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc**

Tỉ lệ trích nộp tiền lương đóng Bảo hiểm xã hội đối với người tham gia BHXH bắt buộc năm 2022 như sau:

***2.1.1 Đối tượng là người lao động***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Người lao động** | **Quỹ BHXH** | | Quỹ TNLĐ-BNN | Quỹ BHTN | Quỹ BHYT | **Tổng mức đóng** |
| *Quỹ hưu trí, tử tuất* | *Quỹ  ốm đau, thai sản* |  |  |  |  |
| **Việt Nam** | 8% | 0 | 0 | 1% | 1,5% | 10,5% |
| **Nước ngoài** | 0 | 0 | 0 | 0 | 1,5% | 1,5 % |

*Bảng tỉ lệ mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động*

***2.1.2 Đối tượng là người sử dụng lao động***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Người sử dụng lao động** | **Quỹ BHXH** | | Quỹ TNLĐ-BNN | Quỹ BHTN | Quỹ BHYT | **Tổng mức đóng** |
| *Quỹ hưu trí, tử tuất* | *Quỹ  ốm đau, thai sản* |  |  |  |  |
| **Việt Nam** | 14% | 3% | 0,5% | 1% | 3% | 21,5% |
| **Nước ngoài** | 0 | 3% | 0,5% | 0 | 3% | 6,5 % |

*Bảng tỉ lệ mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của người sử dụng lao động*

Năm 2022, Căn cứ theo Khoản 2, Điều 17, Nghị định 143/2018/NĐ-CP người lao động nước ngoài chính thức được hưởng chế độ hưu trí và tử tuất. Do đó, mức đóng của người lao động nước ngoài vào quỹ BHXH cũng sẽ thay đổi.

Ngoài ra, từ 1/1/2022 mức đóng BHXH sẽ có nhiều thay đổi theo thời gian do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Căn cứ theo Nghị định số 58/2020/NĐ-CP, Nghị quyết 68/NQ-CP, Nghị quyết 116/NQ-CP mức đóng BHXH sẽ liên tục có sự thay đổi trong năm 2022.

Cụ thể các trường hợp như sau:

*Trường hợp 1:*Đối với người lao động Việt Nam và doanh nghiệp sử dụng lao động Việt Nam mức đóng vào các quỹ BHXH, BHYT, BHTN tính trên tỷ lệ tiền lương tháng đóng BHXH như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **THỜI GIAN** | **NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG** | | | | | **NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM** | | | | |
| BHXH | | | BHTN | BHYT | BHXH | | | BHTN | BHYT |
| HT-TT | ÔĐ-TS | TNLĐ-BNN | HT-TT | ÔĐ-TS | TNLĐ-BNN |
| **Hiện nay** | 14% | 3% | 0% | 0% | 3% | 8% | - | - | 1% | 1,5% |
| **Từ 01/7/2022 - hết 30/9/2022** | 14% | 3% | 0,5 hoặc 0,3% | 0% | 3% | 8% | - | - | 1% | 1,5% |
| **Từ 01/10/2022 trở đi** | 14% | 3% | 0,5 hoặc 0,3% | 1% | 3% | 8% | - | - | 1% | 1,5% |

*Trường hợp 2:*Đối với người lao động nước ngoài và doanh nghiệp sử dụng lao động nước ngoài mức đóng vào các quỹ BHXH, BHYT, BHTN tính trên tỷ lệ tiền lương tháng đóng BHXH như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **THỜI GIAN** | **NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG** | | | | | **NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM** | | | | |
| BHXH | | | BHTN | BHYT | BHXH | | | BHTN | BHYT |
| HT-TT | ỐĐ-TS | TNLĐ-BNN | HT-TT | ỐĐ-TS | TNLĐ-BNN |
| **Hiện nay** | - | 3% | 0% | - | 3% | - | - | - | - | 1,5% |
| **Từ 01/01/2022 - hết 30/6/2022** | 14% | 3% | 0% | - | 3% | 8% | - | - | - | 1,5% |
| **Từ 01/7/2022 trở đi** | 14% | 3% | 0,5 hoặc 0,3% | - | 3% | 8% | - | - | - | 1,5% |

Để cập nhật những thay đổi mới nhất về mức đóng BHXH cùng các chính sách liên quan bạn có thể tham khảo chi tiết tại bài viết "Cập nhật những thay đổi mới nhất về chế độ bảo hiểm xã hội năm 2022" - <https://ebh.vn/tin-tuc/bao-hiem-xa-hoi>

**2.2 Các chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc**

Như đã đề cập bên trên, đối tượng tham gia BHXH bắt buộc sẽ được hưởng các quyền lợi từ 5 chế độ chính như sau:

***2.2.1 Chế độ ốm đau***

Chế độ ốm đau đối với người tham gia được quy định chi tiết tại Chương III, Mục 1, Luật BHXH 2014. Theo đó, để được hưởng quyền lợi từ chế độ này người tham gia cần đáp ứng đủ các điều kiện hưởng quy định tại Điều 25 luật này gồm có:

1. *Người lao động bị ốm đau, tai nạn mà không phải là tai nạn lao động phải nghỉ việc và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế.*
2. *Trường hợp ốm đau, tai nạn phải nghỉ việc do tự hủy hoại sức khỏe, do say rượu hoặc sử dụng chất ma túy, tiền chất ma túy theo danh mục do Chính phủ quy định thì không được hưởng chế độ ốm đau.*
3. *Phải nghỉ việc để chăm sóc con dưới 07 tuổi bị ốm đau và có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền.*

Thời gian nghỉ cùng mức hưởng chế độ ÔĐ của người lao động sẽ phụ thuộc vào đối tượng hưởng, làm việc trong môi trường bình thường hay làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

***2.2.2 Chế độ thai sản***

Người lao động thuộc đối tượng và thuộc một trong các trường hợp theo quy định tại Điều 30 và Điều 31 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 khi đang đóng BHXH vào quỹ ốm đau và thai sản sẽ được nghỉ hưởng chế độ thai sản.

Trường hợp đối với lao động nữ đủ điều kiện hưởng chế độ thai sản sẽ được nghỉ khám thai,  hưởng chế độ khi sẩy thai, nạo, hút thai, thai chết lưu hoặc phá thai bệnh lý; nghỉ hưởng chế độ khi sinh con; nghỉ hưởng chế độ khi thực hiện các biện pháp tránh thai.

Trường hợp lao động nữ mang thai hộ hay người mẹ nhờ mang thai hộ, người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi cũng sẽ được nghỉ hưởng chế độ thai sản khi đủ điều kiện hưởng.

Lao động nữ sinh con hoặc người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 06 tháng tuổi thì được trợ cấp một lần cho mỗi con bằng 02 lần mức lương cơ sở tại tháng lao động nữ sinh con hoặc tháng người lao động nhận nuôi con nuôi. Trường hợp sinh con nhưng chỉ có cha tham gia bảo hiểm thì cha được trợ cấp một lần bằng 02 lần mức lương cơ sở tại tháng sinh con cho mỗi con.

*Chú ý: mức lương cơ sở năm 2022 là 1.490.000 đồng*

***2.2.3 Chế độ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp***

Điều kiện hưởng chế độ TNLĐ&BNN gồm có:

1. Bị tai nạn thuộc một trong các trường hợp sau đây:
2. Tại nơi làm việc và trong giờ làm việc;
3. Ngoài nơi làm việc hoặc ngoài giờ làm việc khi thực hiện công việc theo yêu cầu của người sử dụng lao động;
4. Trên tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý.
5. Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên.

Điều kiện hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp như sau:

* Bị bệnh thuộc danh mục bệnh nghề nghiệp do Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành khi làm việc trong môi trường hoặc nghề có yếu tố độc hại;
* Suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị bệnh quy định tại khoản 1 Điều này.

Người lao động khi bị tai nạn lao động thuộc đối tượng quy định tại Điều 42 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và đủ điều kiện được quy định thuộc Điều 43, Điều 44 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 sẽ được hưởng trợ cấp một lần hay trợ cấp hàng tháng tùy thuộc vào mức độ suy giảm khả năng lao động, thời gian tham gia bảo hiểm xã hội.

Ngoài 2 trợ cấp trên thì người lao động nếu đủ điều kiện hưởng chế độ tai nạn lao động, chế độ bệnh nghề nghiệp còn có thể được cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; hưởng trợ cấp phục vụ hàng tháng; trợ cấp một lần khi chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau khi điều trị thương tật, bệnh tật.

***2.2.4 Chế độ hưu trí***

Về điều kiện nghỉ hưu hưởng chế độ hưu trí của người lao động thì theo quy định sẽ phụ thuộc vào độ tuổi (quy định tại Khoản 2, Điều 169 của Bộ luật Lao động 2019), thời gian tham gia BHXH tối thiểu là 20 năm, công việc, mức suy giảm khả năng lao động,… quy định tại Điều 54 và Điều 55 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 219, Bộ luật lao động 2019.

Từ ngày 01/01/ 2018, mức lương hưu hằng tháng của người lao động đủ điều kiện quy định tại Điều 54 của Luật Bảo hiểm xã hội được tính bằng 45% mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH quy định tại Điều 62 của Luật này và tương ứng với số năm đóng bảo hiểm xã hội như sau

* Lao động nam nghỉ hưu vào năm 2018 là 16 năm, năm 2019 là 17 năm, năm 2020 là 18 năm, năm 2021 là 19 năm, từ năm 2022 trở đi là 20 năm;
* Lao động nữ nghỉ hưu từ năm 2018 trở đi là 15 năm.
* Sau đó cứ thêm mỗi năm, người lao động quy định tại điểm a và điểm b khoản này được tính thêm 2%; mức tối đa bằng 75%.

Về thời điểm hưởng lương hưu hoặc là thời điểm ghi trong quyết định nghỉ việc do người sử dụng lao động lập khi người lao động đã đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật; hoặc là tính từ tháng liền kề khi người lao động đủ điều kiện hưởng lương hưu và có văn bản đề nghị gửi cho cơ quan bảo hiểm xã hội; hoặc là thời điểm ghi trong văn bản đề nghị của người lao động đã đủ điều kiện hưởng lương hưu.

Về thời điểm hưởng lương hưu thì là thời điểm ghi trong quyết định nghỉ việc do người sử dụng lao động lập khi người lao động đã đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật. Đối với người lao động đang đóng BHXH bắt buộc quy định tại Điểm h, Khoản 1, Điều 2 của Luật Bảo hiểm xã hội, thời điểm hưởng lương hưu được tính từ tháng liền kề khi người lao động đủ điều kiện hưởng lương hưu và có văn bản đề nghị gửi cho cơ quan BHXH.

Đối với người lao động quy định tại Điểm g, Khoản 1, Điều 2, của Luật Bảo hiểm xã hội và người đang bảo lưu thời gian đóng BHXH, thời điểm hưởng lương hưu là thời điểm ghi trong văn bản đề nghị của người lao động đã đủ điều kiện hưởng lương hưu theo quy định.

***2.2.5 Chế độ tử tuất***

Chế độ tử tuất hiện nay sẽ gồm có trợ cấp mai táng, trợ cấp tuất hàng tháng, trợ cấp tuất một lần. Từ năm 2022, chế độ tử tuất được áp dụng cho tất cả người lao động (bao gồm cả người lao động là người nước ngoài) tham gia BHXH tại Việt Nam.

Căn cứ Khoản 1, Điều 67, Luật Bảo hiểm xã hội 2014 những người đang tham gia bảo hiểm xã hội, hoặc đang bảo lưu thời gian đóng; tòa tuyên án là chết, trường hợp sau đây khi chết thì thân nhân được hưởng tiền tuất hằng tháng.

1. Đã đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm trở lên nhưng chưa hưởng bảo hiểm xã hội một lần;
2. Đang hưởng lương hưu;
3. Chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
4. Đang hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng với mức suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên.

Căn cứ Khoản 2 Điều 67  Luật BHXH 2014 quy định thân nhân của những người quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

*a) Con chưa đủ 18 tuổi; con từ đủ 18 tuổi trở lên nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; con được sinh khi người bố chết mà người mẹ đang mang thai;*

*b) Vợ từ đủ 55 tuổi trở lên hoặc chồng từ đủ 60 tuổi trở lên; vợ dưới 55 tuổi, chồng dưới 60 tuổi nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;*

*c) Cha đẻ, mẹ đẻ, cha đẻ của vợ hoặc cha đẻ của chồng, mẹ đẻ của vợ hoặc mẹ đẻ của chồng, thành viên khác trong gia đình mà người tham gia bảo hiểm xã hội đang có nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nếu từ đủ 60 tuổi trở lên đối với nam, từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nữ;*

*d) Cha đẻ, mẹ đẻ, cha đẻ của vợ hoặc cha đẻ của chồng, mẹ đẻ của vợ hoặc mẹ đẻ của chồng, thành viên khác trong gia đình mà người tham gia bảo hiểm xã hội đang có nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nếu dưới 60 tuổi đối với nam, dưới 55 tuổi đối với nữ và bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên.*

Mức trợ cấp tuất hàng tháng phụ thuộc vào mức lương cơ sở, mức trợ cấp tuất một lần phụ thuộc vào thời gian tham gia bảo hiểm xã hội và mức tiền lương bình quân đóng bảo hiểm xã hội.

**3. Bảo hiểm xã hội tự nguyện**

Được quy định chi tiết tại khoản 3, điều 3, Luật BHXH 2014. Theo đó: *Bảo hiểm xã hội tự nguyện là loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức mà người tham gia bảo hiểm được quyền lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với tài chính của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng BHXH để người tham gia được hưởng chế độ hưu trí và tử tuất.*

Nhà nước hỗ trợ theo tỷ lệ phần trăm (%) trên mức đóng BHXH hằng tháng theo mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn, cụ thể:

* *Bằng 30% đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thuộc hộ nghèo;*
* *Bằng 25% đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện thuộc hộ cận nghèo;*
* *Bằng 10% đối với các đối tượng khác.*

Căn cứ theo Khoản 4, Điều 2 luật này quy định công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên, không nằm trong nhóm đối tượng tham gia BHXH bắt buộc đều có thể tham gia BHXH tự nguyện.

**3.1 Mức đóng và phương thức đóng**

Căn cứ Điều 87, Luật BHXH quy định chi tiết mức đóng BHXH tự nguyện cho người lao động như sau:

Người lao động quy định tại khoản 4 Điều 2 của Luật này, hằng tháng đóng bằng 22% mức thu nhập tháng do người lao động lựa chọn để đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất; mức thu nhập tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội thấp nhất bằng mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn và cao nhất bằng 20 lần mức lương cơ sở.

Người lao động được chọn một trong các phương thức đóng hằng tháng, 03, 06,12 tháng 1 lần; 06 tháng 1 lần và 1 lần cho nhiều năm về sau với mức thấp hơn mức đóng hằng tháng hoặc 1 lần cho những năm còn thiếu với mức cao hơn mức đóng hằng tháng so với quy định tại Điều này.

**3.2 Các chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện**

Quy định tại Khoản 2, Điều 4, Luật BHXH 2014 người tham gia BHXH tự nguyện sẽ được hưởng chế độ hưu trí và chế độ tử tuất. Cụ thể:

***3.2.1 Chế độ hưu trí***

Người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đủ điều kiện về tuổi và thời gian tham gia bảo hiểm xã hội sẽ được hưởng chế độ hưu trí.

Lương hưu hàng tháng bằng 45% mức bình quân thu nhập tháng đóng BHXH và tương ứng với số năm đóng BHXH, trong đó:

* Lao động nam nghỉ hưu vào năm 2018 là 16 năm, năm 2019 là 17 năm, năm 2020 là 18 năm, năm 2021 là 19 năm và từ năm 2022 trở đi là 20 năm.
* Lao động nữ nghỉ hưu từ năm 2018 trở đi là 15 năm.
* Sau đó cứ mỗi năm thì được tính thêm 2%, mức tối đa bằng 75%.

***3.2.2 Chế độ tử tuất***

Người lao động có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện từ đủ 60 tháng (05 năm) trở lên và người đang hưởng lương hưu sẽ được hưởng trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở, dành cho người có thời gian đóng từ đủ 60 tháng trở lên hoặc đang hưởng lương hưu.

Người lao động tham gia BHXH tự nguyện chết, thân nhân sẽ được hưởng trợ cấp mai táng và trợ cấp tuất theo quy định tại Điều 80 và Điều 81, Luật Bảo hiểm xã hội.

* Trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở tại tháng mà người quy định tại khoản 1 Điều này chết
* Mức trợ cấp tuất một lần được tính theo số năm đã đóng BHXH, cứ mỗi năm tính bằng 1,5 tháng mức bình quân thu nhập tháng đóng BHXH cho những năm đóng BHXH trước năm 2014; bằng 02 tháng mức bình quân thu nhập tháng đóng BHXH cho các năm đóng từ năm 2014 trở đi.
* Trường hợp người lao động có thời gian đóng BHXH chưa đủ một năm thì mức trợ cấp tuất một lần bằng số tiền đã đóng nhưng mức tối đa bằng 02 tháng mức bình quân thu nhập tháng đóng BHXH; trường hợp người lao động có cả thời gian đóng BHXH bắt buộc và tự nguyện thì mức hưởng trợ cấp tuất một lần tối thiểu bằng 03 tháng mức bình quân tiền lương và thu nhập tháng đóng BHXH.